

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TẠM GIAM TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

VŨ VĂN HÙNG*

Tạm giam là một biện pháp mang tính cưỡng chế nghiêm khắc nhất, tước đi quyền tự do của bị can, bị cáo. Đây là biện pháp được áp dụng phổ biến trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử nhằm bảo đảm hiệu quả của hoạt động tố tụng hình sự, công tác thi hành án. Việc áp dụng biện pháp tạm giam trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) nói chung và quy định trong Quân đội nhân dân Việt Nam nói riêng, vẫn tồn tại một số bất cập, hạn chế nhất định, như: thời gian tạm giam còn kéo dài, cơ sở giam giữ trong Quân đội chưa phù hợp với Cơ quan điều tra trong Quân đội, quy mô của cơ sở giam giữ trong Quân đội còn chưa phù hợp với thực tiễn... Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tạm giam trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Từ khóa: Viện Kiểm sát quân sự; tòa án quân sự; tạm giam; tạm giữ; bị can; bị cáo.

Detention is the most severe coercive measure, depriving freedom of the accused and defendants. This measure is widely applied in investigation, prosecution, and trial to ensure the effectiveness of the criminal proceedings and judgment enforcement. The application of detention measures stipulated in the 2015 Criminal Procedure Code (amended and supplemented in 2021) (hereinafter referred to as the current Criminal Procedure Code) in general, and in the regulations of Viet Nam People's Army in particular, revealed shortcomings and limitations such as prolonged detention periods, military detention facilities incommensurate with the military investigation agencies and with the reality. The paper proposed a number of solutions to improve the effectiveness of detention in the Viet Nam People's Army.

Keywords: Military Procuracy; military court; detention; custody; defendant; the accused.

NGÀY NHẬN: 08/4/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/5/2023

NGÀY DUYỆT: 16/6/2023

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, biện pháp tạm giam được quan tâm và ngày càng hoàn thiện trong chính sách, pháp luật hình sự, pháp luật dân sự và thủ tục tố tụng tư pháp: “Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam”¹. Cho nên, tiếp tục xây dựng và hoàn

thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trước tiên, cần xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân nhằm bảo đảm quyền con người, quyền công dân nói chung và người bị tạm giữ, tạm giam nói riêng theo đúng quy định của pháp luật.

* Phòng Thi hành án Quân khu 7, Bộ Quốc phòng

2. Quân đội nhân dân Việt Nam và hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật trong Quân đội

a. Quân đội nhân dân Việt Nam

Là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bao gồm: lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên. Lực lượng thường trực có bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, Bộ đội chủ lực là thành phần nòng cốt của Quân đội, gồm: lực lượng cơ động của các quân đoàn, quân chủng, binh chủng, bộ đội chủ lực của quân khu và bộ đội chuyên môn kỹ thuật. Bên cạnh các đơn vị huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, còn có hệ thống hoàn chỉnh các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật; các học viện, viện nghiên cứu, các trường đào tạo sĩ quan và trường nghiệp vụ các cấp.

Bộ Quốc phòng là đơn vị thuộc Chính phủ, do Bộ trưởng đứng đầu. Bộ Quốc phòng có chức năng lãnh đạo, chỉ huy, quản lý cao nhất của toàn quân, gồm: Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, Tổng cục Tình báo Quốc phòng và một số cơ quan, đơn vị trực thuộc khác.

Về cơ bản, tổ chức của Quân đội bao gồm: Lục quân, Quân chủng Phòng không - Không quân, Quân chủng Hải quân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam.

Lục quân Việt Nam có 7 quân khu, 6 binh chủng, 4 quân đoàn, không tổ chức thành bộ tư lệnh riêng mà đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị; sự chỉ đạo chuyên ngành của các tổng cục và cơ quan chức năng khác.

b. Hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật trong Quân đội

Quân đội nhân dân Việt Nam có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng. Quân đội chính là lực lượng nòng cốt bảo vệ chế độ, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ

công cuộc xây dựng đất nước. Bảo vệ sức mạnh của Quân đội, bảo đảm cho Quân đội hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống luôn được Đảng, Nhà nước xác định là nhiệm vụ trọng yếu. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, với tính chất đặc thù của hoạt động quân sự, Quân đội cần phải tổ chức hệ thống cơ quan bảo vệ pháp luật riêng biệt, thực hiện chức năng tham mưu cho cấp ủy, người chỉ huy các cấp về công tác phòng ngừa vi phạm, tội phạm; đồng thời, xử lý kịp thời những tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội xâm hại đến sức mạnh của Quân đội. Hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật trong Quân đội, gồm:

(1) Hệ thống Cơ quan điều tra trong Quân đội, có: Cơ quan An ninh điều tra Bộ Quốc phòng; Cơ quan An ninh điều tra quân khu và tương đương; Cơ quan điều tra hình sự (CQĐTHS) Bộ Quốc phòng; CQĐTHS quân khu và tương đương, CQĐTHS khu vực được tổ chức ở Bộ Tổng Tham mưu; các tổng cục, quân khu, quân đoàn, quân chủng; Bộ đội Biên phòng; Binh chủng - Binh đoàn và các tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng.

(2) Hệ thống Viện kiểm sát quân sự (VKSQS), gồm: VKSQS trung ương; VKSQS quân khu và tương đương, VKSQS khu vực được tổ chức ở các quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng.

(3) Hệ thống Tòa án quân sự (TAQS): TAQS trung ương; TAQS quân khu và tương đương, TAQS khu vực được tổ chức ở các quân khu và Quân chủng Hải quân.

3. Thực trạng áp dụng, thi hành biện pháp tạm giam trong Quân đội

Thực hiện *Bộ luật Tố tụng hình sự* năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021 - sau đây viết tắt là *Bộ luật TTHS* hiện hành), *Luật Thi hành tạm giam, tạm giữ* năm 2015, *Luật Thi hành án hình sự* năm 2019 đã giúp các cơ quan chức năng thực hiện lệnh thi hành tạm giữ, tạm giam trong Quân đội nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên,

trong quá trình triển khai vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc. Cụ thể:

Thứ nhất, tại khoản 6 Điều 119 *Bộ luật TTHS* hiện hành quy định: “Cơ quan điều tra phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay cho gia đình người bị tạm giam, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị tạm giam cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết”. Đồng thời, Điều 116 của *Bộ luật* này cũng quy định: “Sau khi giữ người, bắt người, người ra lệnh giữ người, bắt người phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, bị bắt, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết”. Như vậy, nội dung quy định trong *Bộ luật* này đã có sự trùng lặp.

Trong trường hợp này, người ra lệnh giữ người, bắt người phải thông báo ngay cho gia đình người bị giữ, bị bắt... theo quy định tại Điều 116 thì việc quy định cơ quan điều tra phải thông báo theo quy định tại khoản 6 Điều 119 là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, *Bộ luật TTHS* hiện hành cũng chưa quy định việc thông báo bằng hình thức nào: thông báo trực tiếp, thông báo qua điện thoại, điện tín hay thông báo bằng văn bản?

Thứ hai, khoản 1, 2 Điều 121 *Bộ luật TTHS* hiện hành quy định: “Bảo lãnh là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được bảo lãnh. Cơ quan, tổ chức có thể nhận bảo lãnh cho bị can, bị cáo là người của cơ quan, tổ chức mình. Cơ quan, tổ chức nhận bảo lãnh phải có giấy cam đoan và có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức”. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cũng đã có văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung này: Theo quy định tại Điều 121, 122 và 123 *Bộ luật TTHS* năm 2015 thì “bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm là 2 biện pháp ngăn chặn thay thế biện pháp tạm giam

(có nghĩa là chỉ áp dụng biện pháp bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm đối với bị can, bị cáo đang bị tạm giam)...”².

Theo quy định trên, các cơ quan tiến hành tố tụng phải ra lệnh, quyết định tạm giam sau đó mới ra quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn thành bảo lãnh. Quy định này phát sinh nhiều thủ tục không cần thiết, mất nhiều thời gian, chi phí và ảnh hưởng đến tâm lý của bị can, bị cáo là quân nhân. Đồng thời, dẫn tới tỷ lệ áp dụng biện pháp tạm giam sau đó bị thay thế bởi biện pháp ngăn chặn khác trong Quân đội chiếm tỷ lệ cao.

Thứ ba, theo khoản 2 Điều 27 *Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam* năm 2015: “Người bị tạm giam được nhận quà của thân nhân gửi đến không quá ba lần trong 1 tháng. Định lượng quà là đồ ăn, uống cho mỗi lần gửi không được vượt quá ba lần tiêu chuẩn ăn ngày thường”. Tiêu chuẩn ngày ăn của người bị tạm giam được Chính phủ quy định như sau: “Định mức ăn trong một tháng của người bị tạm giam gồm: 17 kg gạo tẻ; 15 kg rau xanh; 01 kg thịt lợn; 01 kg cá; 0,5 kg đường; 0,75 lít nước mắm; 0,2 lít dầu ăn; 0,1 kg bột ngọt; 0,5 kg muối; gia vị khác tương đương 0,5 kg gạo tẻ; chất đốt tương đương 17 kg củi hoặc 15 kg than. Định mức trên do Nhà nước cấp và quy ra tiền, có mức giá trung bình theo thời giá thị trường tại địa phương nơi có cơ sở giam giữ”⁴. Bên cạnh đó, khoản 4 Điều 52 *Luật Thi hành án hình sự* năm 2019 quy định: “Phạm nhân được nhận quà là tiền, đồ vật do thân nhân gửi qua đường bưu chính không quá 2 lần trong 1 tháng”. Như vậy, theo giá thị trường hiện nay tạm tính, tiêu chuẩn ăn của người bị tạm giam là khoảng 22.000 đồng/người/ngày. Vậy, số quà mà thân nhân gửi cho người bị tạm giam chỉ là 66.000 đồng/lần gặp/tháng, tiêu chuẩn nhận quà như vậy là quá thấp.

Ngày 04/12/2019, Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông tư số 182/2019/TT-BQP quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận quà và liên lạc với thân nhân

bằng điện thoại. Tại khoản 1 Điều 9 Thông tư nêu rõ: “Khi gặp những người được quy định tại Điều 4 Thông tư này, phạm nhân được nhận, gửi thư, quà theo quy định tại khoản 3 Điều 52 *Luật Thi hành án hình sự* nhưng tối đa không quá 3 kg trong một lần gặp; ngoài ra, mỗi tháng phạm nhân được nhận quà do thân nhân gửi qua đường Bưu chính 2 lần theo quy định tại khoản 4 Điều 52 *Luật Thi hành án hình sự*, mỗi lần không quá 3 kg, nếu gửi 1 lần thì không quá 6 kg”. Theo đó, phạm nhân chỉ bị giới hạn số quà nhận theo cân nặng mà không bị giới hạn giá trị. Trong khi đó, người bị tạm giam là bị can, bị cáo trên thực tế là người chưa có tội, nên việc áp dụng tiêu chuẩn nhận quà đối với người bị tạm giam thấp như vậy (thấp hơn cả phạm nhân) ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của họ.

Thứ tư, tổ chức, bố trí hệ thống trại tạm giam quân sự chưa phù hợp với hệ thống CQĐTHS trong Quân đội. Hệ thống CQĐTHS được tổ chức theo đơn vị hành chính quân sự nên thẩm quyền điều tra của một CQĐTHS trong hệ thống CQĐTHS quân đội được thực hiện theo nguyên tắc địa bàn lãnh thổ hoặc theo nguyên tắc quản lý hành chính của đơn vị quân đội, như: thẩm quyền điều tra của CQĐTHS Bộ đội biên phòng được thực hiện theo nguyên tắc quản lý hành chính quân sự của đơn vị trực thuộc Bộ đội biên phòng; thẩm quyền điều tra của CQĐTHS khu vực 1, Quân khu 7 được thực hiện vừa theo nguyên tắc địa bàn lãnh thổ vừa theo nguyên tắc quản lý hành chính quân sự của đơn vị trực thuộc Quân khu 7.

Trong khi đó, hệ thống cơ sở giam giữ được tổ chức theo địa giới hành chính nhà nước, việc này đã dẫn đến tình trạng tổng đạt quyết định tố tụng phát sinh nhiều thủ tục dẫn đến thường xuyên bị quá hạn.

Thứ năm, hệ thống CQĐTHS trong Quân đội phân bố trên các vùng, lãnh thổ trong cả nước bị mất cân đối nghiêm trọng, tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn, như: Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh. Trong khi đó,

nhiều tỉnh, thành phố, vùng sâu, vùng xa địa bàn rộng lớn, phức tạp hoặc nơi có nhiều đơn vị quân đội đóng quân lại không có CQĐTHS. Điều này dẫn tới số người bị tạm giam trong các trại tạm giam quân sự phân bố không đều, có nơi xảy ra tình trạng quá tải, có nơi buồng tạm giam không sử dụng đến. Bên cạnh đó, chỉ tiêu biên chế nhân sự, cơ sở vật chất, quy mô của các trại tạm giam là như nhau, dẫn đến tình trạng mất cân bằng, có nơi phải giam chung các bị can, bị cáo cùng một vụ án trong một buồng tạm giam, như Trại tạm giam Quân khu 7 (TP. Hồ Chí Minh), nơi tập trung nhiều cơ quan bảo vệ pháp luật trong Quân đội.

Thứ sáu, các CQĐTHS thường tạm giam bị can ở các cơ sở giam giữ gần đơn vị để thuận tiện cho quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng. Tuy nhiên, việc tạm giam bị can tại các cơ sở giam giữ không theo địa bàn xét xử của TAQS dẫn đến việc phải điều chuyển người bị tạm giam nhiều lần giữa các cơ sở giam giữ trong khi kinh phí của Trại tạm giam cho việc áp giải, điều chuyển người bị tạm giam là rất hạn chế.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả biện pháp tạm giam trong Quân đội

Một là, đề xuất sửa đổi khoản 6 Điều 119 *Bộ luật TTHS* hiện hành theo hướng: “Người đã ra lệnh, quyết định tạm giam phải kiểm tra căn cước của người bị tạm giam và thông báo ngay bằng văn bản cho gia đình người bị tạm giam, chính quyền xã, phường, thị trấn nơi người bị tạm giam cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị tạm giam làm việc, học tập biết” để tránh trùng lặp và phù hợp với thực tiễn áp dụng.

Hai là, cần có văn bản hướng dẫn để làm rõ thuật ngữ “biện pháp thay thế tạm giam” theo hướng các biện pháp này áp dụng cả đối với bị can, bị cáo có thể sẽ bị tạm giam và đang bị tạm giam.

Ba là, sửa đổi khoản 2 Điều 27 *Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam* năm 2015 theo hướng “Người bị tạm giam được nhận quà

của thân nhân gửi đến không quá 3 lần trong 1 tháng. Khối lượng cho mỗi lần gửi không quá 3kg” để phù hợp với thực tiễn và bảo đảm quyền lợi của người bị tạm giam.

Bốn là, rà soát, điều chỉnh lại hệ thống CQĐTHS trong Quân đội cho phù hợp với thẩm quyền xét xử của TAQS theo hướng Cơ quan điều tra có thẩm quyền điều tra tất cả các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của TAQS trên địa bàn mình quản lý, không phân biệt đơn vị hành chính quân sự.

Năm là, tiến hành số hóa hồ sơ các vụ án để những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể nghiên cứu, trao đổi không phụ thuộc vào khoảng cách địa lý; sử dụng VOffice cho các thủ tục hành chính, như: trình ký, đóng dấu văn bản tố tụng hình sự và tổng đạt qua đường truyền quân sự đến Trại tạm giam nhằm hạn chế việc trễ hạn lệnh, quyết định tạm giam do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ở xa Trại tạm giam.

Sáu là, xây dựng chỉ tiêu biên chế, cơ sở vật chất phù hợp đối với những trại tạm giam có số lượng người bị tạm giam nhiều. Có thể lấy trung bình quy mô giam giữ trong giai đoạn 5 năm để tăng thêm biên chế nhân viên quản giáo, chiến sĩ canh gác; xây dựng thêm các buồng tạm giam nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn, phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Bảy là, các CQĐTHS trong Quân đội nên tiến hành tạm giam bị can theo thẩm quyền xét xử của TAQS để hạn chế việc phải điều chuyển bị can nhiều lần, nếu vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của TAQS Khu vực Quân khu 9 thì tiến hành tạm giam bị can ở Trại tạm giam Quân khu 9. Hoặc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 *Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam* năm 2015: “Tiếp nhận, lập hồ sơ, lập danh bản, chỉ bản của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo lệnh, quyết định của người có thẩm quyền được quy định trong *Bộ luật Tố tụng hình sự* hoặc người có quyết định điều chuyển theo quy định của *Luật này*”. Theo đó, cơ sở giam giữ của công

an hay quân đội đều có trách nhiệm tiếp nhận người bị tạm giam theo lệnh, quyết định của người có thẩm quyền.

Luật này không quy định cơ sở giam giữ của Quân đội chỉ tạm giam người do các cơ quan có thẩm quyền của Quân đội bắt, tạm giam và *Luật* cũng không quy định cơ sở giam giữ của Công an chỉ tạm giam những người do các cơ quan tiến hành tố tụng ngoài Quân đội bắt, tạm giam. Vì vậy, đối với những bị can, bị cáo trong Quân đội phạm tội, không liên quan đến bí mật quân sự thì các CQĐTHS ở xa Trại tạm giam quân sự có thể thi hành tạm giam ở cơ sở giam giữ của công an để thuận tiện cho quá trình làm rõ vụ án. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cần phối hợp để ban hành văn bản triển khai thực hiện nội dung này trong thực tế. □

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng. Toàn tập. Tập 64*. H. NXB Chính trị quốc gia, 2016, tr. 273.

2. Điểm 20 Công văn số 5024/VKSTC-VIA ngày 19/11/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc giải đáp vướng mắc liên quan đến quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và nghiệp vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự trong ngành Kiểm sát nhân dân.

3. Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 113/2021/NĐ-CP ngày 14/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng. *Tài liệu học tập các văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2022.

2. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

3. *Hiến pháp* năm 2013.

4. *Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam* năm 2015.

5. *Luật Thi hành án hình sự* năm 2019.

6. Thông tư số 182/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ Quốc phòng quy định việc phạm nhân gặp thân nhân; nhận, gửi thư; nhận quà và liên lạc với thân nhân bằng điện thoại.